

## **BÀN THÊM VỀ KHÁI NIỆM KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

**TS. TRẦN ANH PHƯƠNG**  
*Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á*

**T**rong hơn 3 thập niên vừa qua, châu Á-Thái Bình Dương đã nổi lên là một khu vực tăng trưởng nhanh và năng động nhất thế giới. Nguyên nhân là do có các nhân tố tác động từ chính yêu cầu phát triển của bên trong khu vực này. Hơn thế nữa, những năm gần đây, do ảnh hưởng của tiến trình toàn cầu hoá kinh tế cùng với quá trình khu vực hoá đang được thúc đẩy mạnh mẽ ở đây đã tạo ra những nhân tố tác động từ bên ngoài khiến cho châu Á-Thái Bình Dương càng có nhiều thay đổi về cục diện phát triển.

Thực tiễn phát triển như vậy song cho đến nay trong nhận thức của không ít người vẫn chưa có sự thống nhất khi xác định về định nghĩa cũng như nội hàm của khái niệm khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và một số khái niệm cơ bản khác có liên quan. Bài viết này nhằm góp phần làm rõ về nhận thức đó.

\*

\* \*

1. Theo cách hiểu truyền thống, người ta vẫn định nghĩa khái niệm khu vực theo vị trí địa lý. Chẳng hạn, tùy theo các vị trí địa lý khác nhau mà từ lâu đã có sự hình thành nên các khái niệm khu vực khác nhau như châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi... Và tương tự ngay cùng một châu lục như châu Á lại phân thành các khái niệm tiểu khu vực khác nhau như Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Nam Á, Trung Á.... Thực ra việc đặt tên gọi như vậy chỉ mang tính tương đối nhằm so sánh khu vực này với khu vực khác hay tiểu khu vực này với tiểu khu vực khác trong cùng một khu vực. Vì

thể thông thường để đơn giản hoá cách gọi, người ta hay dùng khái niệm chung nhất là khu vực để diễn đạt. Ví dụ như với cách diễn đạt trong câu sau vẫn được thừa nhận là chính xác về cách dùng các khái niệm kể cả trong mối tương quan so sánh giữa các khu vực và tiểu khu vực với nhau: “Châu Á là một khu vực rộng lớn trên thế giới và được chia ra nhiều khu vực nhỏ khác nhau như Đông Á (bao gồm cả hai khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á); ngoài ra căn cứ theo các vị trí địa lý khác nhau còn có các khu vực khác như Tây Á, Bắc Á, Nam Á và Trung Á...”.

Việc định nghĩa khu vực theo vị trí địa lý như trên được hiểu là bất đối vì như đã biết vị trí địa lý của mỗi quốc gia, lãnh thổ hay tiểu khu vực, khu vực là một tiêu thức tự nhiên mang tính tồn tại khách quan, bất đối. Tuy nhiên, cách định nghĩa truyền thống này ngày càng tỏ ra là cứng nhắc, thiếu thuyết phục trước xu hướng giữa các quốc gia, lãnh thổ ở các khu vực, tiểu khu vực khác nhau trên thế giới ngày càng gia tăng sự hợp tác toàn diện về nhiều lĩnh vực khác nhau, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế những năm gần đây. Từ đó các học giả, chính khách đã nghiêng dần về xu thế coi khái niệm khu vực là một thực thể địa lý-kinh tế-chính trị-xã hội... Do vậy khái niệm khu vực theo cách hiểu hiện đại phải là một khái niệm mở, luôn được tạo dựng và thay đổi tùy theo quan điểm của các chủ thể tham gia vào quá trình tương tác trong khu vực. Chẳng hạn như nếu chỉ xét về yếu tố vị trí địa lý thì Mỹ và Tây Âu là hai chủ thể độc

lập và do đó không thể hợp thành một khu vực được. Thế nhưng sau Chiến tranh Thế giới thứ hai để chống lại hệ thống XHCN do Liên Xô đứng đầu, đã dẫn đến sự hình thành khối Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO), cho thấy Mỹ và Tây Âu do nhu cầu lợi ích chính trị-quân sự... có thể hợp thành một khu vực bao gồm các chủ thể khác nhau về vị trí địa lý. Tương tự như vậy khái niệm về khu vực Đông Nam Á hiểu theo nghĩa là một thực thể chính trị-xã hội cũng đã được hình thành cuối Thế chiến thứ hai với việc thành lập Bộ chỉ huy quân sự khu vực Đông Nam Á của Anh do Nguyên soái Mountbatten đứng đầu. Sau Thế chiến thứ hai, nhiều sự kiện chính trị khác ra đời đã tiếp tục định hình khu vực Đông Nam Á. Ví dụ điển hình là sự hình thành của Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) được thành lập tại Manila năm 1954, đã khiến cho khái niệm về một khu vực Đông Nam Á mang màu sắc chính trị rõ nét... Từ đó đến nay khu vực Đông Nam Á đã phát triển thành một thực thể chính trị-xã hội hiểu theo nghĩa rộng bao gồm sự hợp tác, liên kết toàn diện về nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó nổi bật nhất là về kinh tế, an ninh, chính trị, quân sự và văn hoá, xã hội trở thành cộng đồng 10 nước ASEAN ngày nay (Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan, Brunây, Xingapo, Việt Nam, Lào, Campuchia, Mianma).

Khái niệm “khu vực Châu Á-Thái Bình Dương” đã được các học giả và chính khách đề cập đến từ đầu thế kỷ XX, nhưng phải đến cuối thập kỷ 1980 với sự hình thành của Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC), khái niệm này mới được sử dụng rộng rãi. Cùng thời gian này đã trùng hợp với sự nổi lên của các nền kinh tế thần kỳ Đông Á mà dẫn đầu là “con rồng” Nhật Bản, tiếp theo là NIE ( Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Xingapo ) và sự tăng trưởng nhanh liên tục của nhiều quốc gia ASEAN. Chính vì thế, “khu vực Châu Á-Thái Bình Dương” còn được hiểu theo nghĩa hẹp coi đó chính là

“khu vực kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương” bao gồm các nước và lãnh thổ ở khu vực Đông Á (kể cả Đông Bắc Á và Đông Nam Á). Đây cũng chính là khu vực đã có nhiều nước và lãnh thổ có sự phát triển năng động và liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao trong hơn 3 thập niên vừa qua.

Trở lại với Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương, như đã biết APEC là tổ chức đa quốc gia được thành lập tháng 11 năm 1989 theo sáng kiến của Thủ tướng Australia Bob Hawke nhưng cơ sở chính trị của nó đã được hình thành từ năm 1980 với sự ra đời của Hội nghị hợp tác kinh tế Thái Bình Dương (PECC) do Thủ tướng Nhật Okira và Thủ tướng Australia Frazer đề xuất. Từ đó đến nay APEC ngày càng phát triển mạnh trở thành tổ chức đa quốc gia lớn nhất ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương với 21 quốc gia và lãnh thổ thành viên: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo, Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan, Brunây, Mỹ, Canada, Mêxicô, Chilê, Ôxtrâyliá, Niu Dilân, Papua Niu Ghinê, Pêru, Nga và Việt Nam.

Với sự kết thúc của Chiến tranh lạnh, thế giới từ hai cực đã trở thành thế giới của nhất siêu đa cường và tương quan lực lượng giữa các nước lớn có nhiều thay đổi đã khiến cho các quốc gia đều nhận thấy cần thiết phải thể chế hoá các quan hệ quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Diễn đàn an ninh khu vực Đông Nam Á của các nước ASEAN (ARF) đã ra đời năm 1993 để thảo luận, hợp tác những vấn đề an ninh khu vực thông qua các biện pháp xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa và giải quyết xung đột. Thành viên của ARF bao gồm 10 nước ASEAN (trong đó 4 nước thành viên mới: Việt Nam, Lào, Campuchia và Mianma đã là thành viên của ARF trước khi gia nhập ASEAN) và 11 thành viên khác trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương bao gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên, Ôxtrâyliá, Niu

Dilân, Mông Cổ, và Papua Niu Ghinê. Ngoài ra, đáng chú ý có cả EU cũng là thành viên của ARF, một minh chứng về việc định nghĩa khái niệm khu vực ngày nay không chỉ giới hạn trong phạm vi địa lý lãnh thổ mà như trên đã đề cập cần có một định nghĩa mở về khu vực, coi đó là một thực thể địa lý-kinh tế-chính trị-xã hội... Với cách định nghĩa này, cho phép các chủ thể cùng tham gia tương tác trong khu vực có thể mở rộng đến nhiều vấn đề cùng quan tâm. Các cuộc gặp gỡ cấp cao Á-Âu (ASEM) được tiến hành liên tục từ năm 1996 đến nay với thành viên là các nước ASEAN, cùng với 3 nước Đông Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, và có cả các nước EU là ví dụ điển hình về sự mở rộng các quan hệ đa quốc gia không chỉ giới hạn ở yếu tố địa lý trong cùng một khu vực mà đã trở thành yếu tố địa lý đa khu vực. Cũng tương tự vậy, nhưng ở quy mô hẹp hơn so với ASEM, các cuộc gặp ASEAN+1 ( Nhật Bản, hoặc Hàn Quốc, hoặc Trung Quốc ), và đặc biệt là các cuộc gặp thường niên ASEAN+3 vào dịp cuối năm cũng đều là minh chứng cho sự mở rộng khái niệm khu vực Đông Nam Á đã được 10 nước ASEAN và 3 nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) tiến hành trong những năm gần đây, mà thực chất đó chính là các mô hình liên kết đa quốc gia trong cùng một khu vực Đông Á đã diễn ra ở các cấp độ khác nhau. Riêng về mô hình ASEM, cũng có thể coi đó là liên kết giữa nhiều quốc gia, lãnh thổ ở khu vực Đông Á với các nước thành viên của EU ở khu vực Châu Âu. Mô hình này có đặc điểm nổi bật là không có sự tham gia của Mỹ - siêu cường số 1 thế giới, nhưng đã được tất cả các thành viên tham gia hết sức coi trọng và ủng hộ sự tiến triển của nó kể từ khi thành lập (1996) đến nay. Sở dĩ như vậy vì mô hình này trên thực tế đã tỏ rõ đó là một cơ chế hợp tác liên khu vực đầu tiên nhằm vào mục tiêu phục vụ cho việc thiết lập một quan hệ đối tác toàn diện giữa châu Á và châu Âu, nhằm tăng cường

đối thoại, hiểu biết và hợp tác cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và xã hội giữa hai châu lục và duy trì một thế giới hoà bình và ổn định.

2. Từ một số dẫn giải trên đây cho thấy, việc định nghĩa về khái niệm khu vực trên thế giới ngày nay đã không nhất thiết chỉ giới hạn ở tiêu thức địa lý, hay địa lý-kinh tế, mà ngày càng mở rộng ra nhiều tiêu thức có liên quan đến các vấn đề chính trị-xã hội... cùng quan tâm của các thành viên tương tác trong khu vực đó. Từ đó cho thấy riêng đối với khu vực Châu Á-Thái Bình Dương có thể có hai cách xác định tương đối về khu vực này. *Thứ nhất, hiểu theo nghĩa hẹp*, chủ yếu dựa vào tiêu thức địa lý - kinh tế: khu vực Châu Á-Thái Bình Dương cũng có nghĩa là khu vực kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương mà thực chất cho đến nay vẫn được hiểu là khu vực kinh tế Đông Á (bao gồm cả Đông Bắc Á và Đông Nam Á) giới hạn ở một số quốc gia và lãnh thổ như trên đã đề cập. *Thứ hai, hiểu theo nghĩa rộng*, dựa vào tiêu thức tổng hợp cả về địa lý-kinh tế-chính trị-xã hội..., cho thấy khái niệm khu vực Châu Á-Thái Bình Dương ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với sự hình thành và phát triển của các tổ chức tiểu khu vực, khu vực trên cơ sở tương tác và phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, chính trị, xã hội... Trong đó có những vấn đề đặc biệt sôi động đang được sự quan tâm của tất cả các thành viên tham gia tương tác, đó là hợp tác phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh chính trị-xã hội, môi trường sinh thái của mỗi quốc gia, lãnh thổ và toàn khu vực.

Như đã đề cập, trong cách hiểu của nhiều học giả và chính khách về khái niệm khu vực Đông Á lâu nay vẫn được coi là bao gồm cả hai khu vực là Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Tuy nhiên đã có một thời khi nói đến khu vực Đông Á là chủ yếu nói về Đông Bắc Á - nơi mà những năm của các thập niên 1970-1980 đã từng xuất hiện một số nền kinh tế thần kỳ Đông Á là Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan,

cho dù khi đó ở Đông Nam Á cũng đã xuất hiện nền kinh tế thần kỳ Xingapo là một trong những thành viên của ASEAN và cũng thuộc khu vực Đông Á. Điều lưu ý về khái niệm khu vực Đông Bắc Á, nếu chỉ căn cứ vào tiêu thức địa lý thì ở khu vực này ngoài các nước và lãnh thổ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc ( bao gồm cả Hồng Kông ), Đài Loan, còn có cả một số quốc gia khác như CHDCND Triều Tiên, Mông Cổ và toàn bộ khu vực Viễn Đông nước Nga. Thế nhưng hiện nay nhắc đến khu vực Đông Bắc Á riêng về giới học giả và các chính khách đã có không ít người chỉ quan niệm đó là khu vực bao gồm các quốc gia, lãnh thổ đang có vị trí, vai trò quan trọng nhất định trong sự phát triển khu vực này và kể cả khu vực Đông Á nói riêng và toàn bộ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Với quan niệm này thì khu vực Đông Bắc Á có giới hạn hẹp hơn về qui mô, chỉ bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, CHDCND Triều Tiên, Trung Quốc (kể cả Hồng Kông ), Đài Loan và vùng Viễn Đông nước Nga những nơi giáp ranh với Nhật Bản và Trung Quốc.

Trương tự như khu vực Đông Á, đối với tiến trình hình thành và phát triển của khu vực Đông Nam Á cũng có động thái thay đổi theo từng thời gian lịch sử. Năm 1967 với sự ra đời của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) đã khẳng định thêm sự tồn tại của khái niệm khu vực Đông Nam Á về phương diện theo tiêu thức địa lý - kinh tế - chính trị - xã hội của sự liên kết 5 nước thành viên ASEAN phi cộng sản khi đó là: Thái Lan, Indônêxia, Malaixia, Philippin và Xingapo (ASEAN 5). Các nước còn lại xét theo tiêu thức địa lý mặc dù vẫn thuộc về khu vực Đông Nam Á ở thời điểm này là Việt Nam, Lào, Campuchia và kể cả Brunây, Mianma do chưa phải là thành viên của ASEAN 5, thậm chí riêng đối với Việt Nam, Lào, Campuchia là 3 nước thuộc vào hệ thống chính trị - xã hội cộng sản đối lập với hệ thống chính trị - xã hội của các nước

ASEAN 5, do đó trên thực tế được hiểu là bị tách rời với các nước ASEAN 5 của khu vực Đông Nam Á theo tiêu thức địa lý - kinh tế - chính trị - xã hội như trên đã đề cập... Cho đến nay cùng với sự phát triển của tổ chức ASEAN khái niệm khu vực Đông Nam Á đã ngày càng được mở rộng hơn, hoàn thiện hơn theo đúng nghĩa là một khu vực liên kết, hợp tác phát triển đa quốc gia (ASEAN 10).

Chỉ riêng với tiến trình hình thành và phát triển của các khái niệm cơ bản trên đây ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương đã cho ta thấy sự biến đổi của khái niệm khu vực trong nhận thức con người là hoàn toàn phụ thuộc vào sự thay đổi của các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội, chứ không thuần túy chỉ phụ thuộc vào điều kiện vị trí địa lý, cho dù tiêu thức này là rất quan trọng. Như thế càng đủ biết việc xác định cho chính xác về một khái niệm khu vực chỉ mang ý nghĩa tương đối tùy thuộc vào từng thời kỳ lịch sử khác nhau. Điều đó cũng có nghĩa hiểu về khái niệm khu vực phải là một khái niệm mở, theo nghĩa rộng phải căn cứ bởi tập hợp nhiều tiêu thức khác nhau.

3. Quay trở lại với cách định nghĩa thứ hai như ở mục 2 đã đề cập, việc xác định khu vực Châu Á - Thái Bình Dương theo nghĩa rộng cho thấy nội hàm phản ánh của khu vực này là rất rộng lớn, bao gồm các nước và lãnh thổ có trình độ kinh tế khác biệt, với sự đa dạng về chế độ chính trị-xã hội, phong phú về đời sống văn hoá, là khu vực có nhiều tiềm năng nhưng cũng chứa đựng không ít khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển.

Xét về mặt địa lý, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trong chiến lược của các cường quốc từ nhiều năm qua. Với diện tích 44 triệu km<sup>2</sup>, chiếm 29,4% diện tích thế giới, khu vực này là chiếc bản lề nối liền châu Mỹ với châu Á, thông với Ấn Độ Dương và biển Đỏ, sang tới Trung Đông, châu Phi và châu Âu; là một khu vực rộng lớn bao gồm cả vành đai

Đông Thái Bình Dương kéo dài từ Viễn Đông nước Nga đến Indônêxia và từ dãy núi Ural phía Đông nước Nga đến bán đảo Ả-rập. Như vậy, khu vực châu Á - Thái Bình Dương xét theo khái niệm địa-chính trị và địa-kinh tế, chủ yếu bao gồm các nước thành viên Tổ chức Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và một số nước châu Á khác như là Mianma, Lào, Campuchia..., với dân số gần 3,5 tỷ người, chiếm 54,6% dân số thế giới.

Đặc điểm địa lý trên đây đã khiến cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương là một thực thể đa dạng, giàu tiềm năng phát triển, nhưng cũng đã tạo ra những khó khăn khác biệt về trình độ và khả năng phát triển kinh tế giữa các nước trong khu vực. Bên cạnh những nước công nghiệp phát triển, có nền kinh tế và khoa học công nghệ hùng mạnh vào bậc nhất thế giới như là: Mỹ, Nhật Bản, Canada..., còn có các nền kinh tế mới công nghiệp hoá (NIEs) phát triển với tốc độ cao như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo... và tiếp đến là các nước đang phát triển có nhiều tiềm năng như Trung Quốc và các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Giữa các nước và lãnh thổ này còn khác nhau cả về mật độ dân số và tài nguyên thiên nhiên. Chẳng hạn, Trung Quốc với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú nhưng lại có một gánh nặng về dân số (hơn 1,2 tỷ dân), Nhật Bản với kỹ thuật công nghệ tiên tiến, dân số có giáo dục cao nhưng nguồn tài nguyên thiên nhiên lại có hạn. Quá trình phát triển của các nước cũng có nhiều khác biệt. Các NIE Đông Á (gồm Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo) là những nước và lãnh thổ nghèo tài nguyên nhưng mạnh về kỹ năng, công nghệ nên chủ yếu tập trung tăng trưởng vào việc xuất khẩu hàng chế tạo. Ngược lại, các nước ASEAN là những nước giàu tài nguyên nhưng trình độ công nghệ và kinh tế thấp hơn nên trong quá trình phát triển đã chủ yếu dựa vào việc xuất khẩu các mặt hàng nguyên liệu

và các sản phẩm chế biến sử dụng nhiều lao động. Tuy nhiên, vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990, các nước này đã bắt đầu mở rộng khu vực chế tạo xuất khẩu với tốc độ cao. Nhân tố then chốt cho sự phát triển mới này là xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Nhật Bản và các NIE Đông Á.

Giữa các nước trong khu vực cũng có thứ bậc rõ ràng về mức độ phát triển kinh tế. Mỹ với GDP hàng năm trên 10.000 tỷ USD, chiếm 1/3 GDP toàn cầu (theo số liệu năm 2000) nên bình quân đầu người rất cao vào khoảng 35.000 USD, được coi là nền kinh tế hàng đầu của khu vực cũng như trên thế giới. Nhật Bản suốt cả thập niên 1990 lâm vào khủng hoảng suy thoái song vẫn còn giữ được vị trí là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới (sau Mỹ) với GDP hàng năm gần 5000 tỷ USD, có bình quân đầu người năm 2000 vẫn vào loại cao nhất tới 37600 USD<sup>(1)</sup>. Trong khi đó, các NIE châu Á: Xingapo và Hồng Kông là các nền kinh tế có thu nhập cao với GDP bình quân đầu người năm 1998 tương ứng là 28.565 USD và 23.105 USD; Các nền kinh tế bậc trung là Niu Dilân với thu nhập theo đầu người là 17.858 USD và Đài Loan là 17.495 USD. Bốn nước ASEAN (Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Philippin) và Trung Quốc thuộc vào hàng thấp nhất trong số các nền kinh tế bậc trung của khu vực với thu nhập bình quân đầu người vào khoảng từ 4.000-11.000 USD. Theo biểu đồ hình chóp, Mianma là nước cuối cùng về thu nhập tính theo đầu người là 852 USD<sup>(2)</sup>.

Mức thu nhập theo đầu người và dân số cũng phản ánh mức độ phát triển rất khác nhau của các nền kinh tế. Chẳng hạn, Trung Quốc là nước có thu nhập tính theo đầu người thấp khoảng trên 2.000 USD, nhưng GDP khoảng 1.000 tỷ USD một năm (số liệu năm 2000) do đó vẫn đứng

<sup>(1)</sup> *Facts and Figures of Japan 2003*, Foreign Press Center Japan; tr. 48

<sup>(2)</sup> Tạp chí Asiaweek: 20/8/1999

hàng thứ ba trong khu vực - sau Mỹ và Nhật Bản, thứ sáu trên toàn thế giới - sau Mỹ, Nhật Bản, Đức, Anh, và vì dân số của Trung Quốc đông hơn hẳn so với các nước khác. Đối với Xingapo và Hồng Kông, GDP tương đối thấp nhưng thu nhập tính theo đầu người lại cao vì dân số các nước này rất ít.

Về thể chế chính trị - xã hội của các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng muôn mầu muôn vẻ. Đó là các mô hình thể chế chính trị-xã hội TBCN vừa có điểm giống nhau, vừa có điểm khác nhau: Mỹ, Canada, Ôxtrâyliia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, và nhiều nước châu Á khác. Đó là các mô hình thể chế chính trị-xã hội XHCN mang đặc sắc Trung Quốc, mang đặc điểm Việt Nam, mô hình thể chế chính trị-xã hội XHCN đã bị biến dạng ở CHDCND Triều Tiên... Về tôn giáo, khu vực này có cả Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Nho giáo và Phật giáo. Trong đó, Phật giáo và Nho giáo chủ yếu ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...; Hồi giáo chủ yếu ở Indônêxia, Malaixia; Phật giáo chủ yếu ở Việt Nam, Campuchia, Lào, Thái Lan...; còn Thiên chúa giáo, Tin lành chủ yếu ở Mỹ, Canada, Ôxtrâyliia, Niu Dilân. Khu vực này cũng đồng thời là nơi tập trung phần lớn các nền văn minh cổ đại của loài người như nền văn minh Trung Quốc, Ấn Độ, Ba Tư. Vì vậy, châu Á - Thái Bình Dương được xem như là nơi giao thoa của văn hoá Đông - Tây. Tiềm năng văn hoá phương Đông sau hơn 500 năm yên ngủ đã được đánh thức như là nhân tố tạo ra thần kỳ Đông Á và theo đó là động lực cho sự phát triển năng động của khu vực trong suốt nhiều thập kỷ qua. Cùng với những thay đổi của khu vực về khoa học - công nghệ, kinh tế... những đặc thù văn hoá phương Đông và giá trị châu Á đang được sàng lọc, lựa chọn, lược bỏ những mặt hạn chế, gây trở ngại đến tiến trình toàn cầu hoá, tự do hoá để tiếp tục là động lực đưa châu Á - Thái Bình Dương trở thành một trong những trung tâm phát triển

nhất của thế giới trong thế kỷ 21. Trong tiến trình này do nhiều nhân tố chủ quan và khách quan khác nhau cùng tác động chắc chắn sẽ khiến cho khu vực này còn gặp phải rất nhiều khó khăn, thách thức trong tất cả các lĩnh vực an ninh kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường sinh thái. Điều đó đòi hỏi các nước và lãnh thổ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cần nhận thức đúng bản chất của tình hình mới để tìm kiếm, lựa chọn chính sách phát triển thích hợp sao cho có thể tiến kịp với sự phát triển chung của nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Sang, Đào Lê Minh (Chủ biên): *Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
2. Shinichi Ichimura: *Kinh tế chính trị của sự phát triển của Nhật Bản và Châu Á*, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, NXB Thống kê, Hà Nội, 1999.
3. Vụ Tổng hợp Kinh tế, Bộ Ngoại giao: *Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
4. Seiji Naya - Stephen Browne: *Những thách thức phát triển ở châu Á - Thái Bình Dương trong những năm 1990*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.
5. Robert Elegant: *Vận mệnh Thái Bình Dương nội cảnh châu Á ngày nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
6. Lưu Vĩnh Đoàn: *Kinh tế châu Á bước vào thế kỷ 21*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1999.
7. Tang Renwu: *Phải chăng "Thế kỷ châu Á-Thái Bình Dương" đã thực sự xuất hiện*, Viện Thông tin Khoa học xã hội. Tài liệu phục vụ nghiên cứu, số TN 2001-67
8. Một số báo cáo chuyên đề viết cho Đề tài cấp Nhà nước KX:08.06 "*Cục diện châu Á-Thái Bình Dương trong hai thập niên đầu thế kỷ 21*" của các tác giả: Dương Phú Hiệp, Vũ Văn Hà, Nguyễn Thanh Hiền, Dương Quốc Thanh, Nguyễn Xuân Thắng, Nguyễn Ngọc Mạnh, Trần Bá Khoa, Trần Khánh...